

LĂNG ĐĂNG HỒN XƯA

Hồi ấy, những ngày nghỉ học tôi hay theo cha tôi vào rẫy để làm phụ một số việc vặt. Tôi thích lắm, vì đó là cơ hội để tôi có thể mặc tình bắt chuột bắt chim. Chỉ trong tháng đầu kỳ nghỉ hè tôi đã bắt được cả chục tổ chim và một con rùa nữa. Mẹ tôi vốn sùng đạo đồng bóng, thấy vậy bà đâm ra lo sợ. Một lần mẹ tôi dặn:

– Vùng rẫy mình đang mần là đất cũ của người Mọi, người Hời. Khi vô đó con không được nghịch ngợm phá phách. Con biết mấy cái cây thân to tàn rộng là nơi những kẻ khuất mặt khuất mày hay ở không? Con chim con chuột làm tổ ở đó không chừng là của người ta nuôi. Mình cứ tới quấy phá khiến người ta nổi giận là rước cái khổ vào thân có ngày.

Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

– Những kẻ khuất mặt khuất mày đó là ai rứa “mạ”?

Dân làng tôi hồi ấy hầu hết quen lệ con cái gọi cha là “chú” và gọi mẹ là “mạ”. Mẹ tôi nghiêm giọng:

– Là những vong hồn người Mọi người Hời chứ ai nữa. Tuy họ đã bỏ đi nơi khác để đất đai lại cho mình mần ăn nhưng vẫn có một số vong hồn thương đất tiếc của còn bịn rịn ở lại. Những vong hồn ấy cứ quanh quẩn đó, chờ thấy ai hạp căn hạp mạng là tìm cách bắt về hầu hạ cho họ. Vì rứa con phải giữ gìn cho lắm mới được!

Thế rồi mẹ tôi dẫn chúng một tùa dài những người bị chết do những kẻ khuất mặt nói trên chằm số khiến tôi rợn cả xương sống. Từ đó, cứ vào tới rẫy tôi chỉ làm việc quanh quẩn bên cha tôi, không dám nghịch ngợm đi tìm chim bắt cá như trước. Nhất là gặp chỗ có cây cao bóng mát tôi vội tránh xa ngay.

Nhà tôi cách xa rẫy không tới bốn cây số. Muốn đi đến rẫy, chúng tôi phải đi theo một con đường mòn ngang qua một dòng khe nhỏ, dân làng tôi vẫn quen gọi là “khe bà Hoàng”. Khe này có nước chảy quanh năm, nhưng về mùa nắng có lúc chỉ còn một dòng nhỏ chảy rất yếu. Dân làm rẫy qua lại vẫn hay ngừng tại đây để rửa ráy, giặt giũ. Khe không bắc cầu vì trên lối đi qua, mặt khe rộng thoáng, ngoại trừ những lúc đang mưa lớn, nước không chảy xiết lắm, người ta vẫn lội qua lại dễ dàng. Nhìn về thượng nguồn phía bờ hữu, cách lối qua khe một đoạn, tôi thấy có một khu cây cối khá xanh tốt rậm rạp. Hiện tượng này đã làm tôi thấp thỏm nghĩ ngợi nhiều ngày. Tôi từng nghe người ta kể trước đây không lâu có một người đàn bà thiếu số từ đâu không biết đi lạc đến sống ở

vùng này. Bà ta không biết một tiếng Việt nào nên cũng chẳng ai chỉ bảo gì cho bà được. Bà đã tự dựng một cái chòi nhỏ gần khe bà Hoàng để ở. Hằng ngày bà xin khoai xin sắn và bắt cóc nhái rắn rết để nướng ăn. Trong làng cũng có mấy người tốt bụng hay đem cơm đến cho bà. Suốt thời gian ở đó, tuyệt nhiên bà không hề trộm cắp của ai hay làm mịch lòng ai cả. Dân làng vẫn quen gọi bà là “mụ Mọi”. Ở đó được mấy năm thì “mụ Mọi” đột nhiên biến mất, để lại nhiều thắc mắc cho dân làng. Nhiều người cho là “mụ Mọi” đã chết ở một hóc hẻm nào đó. Người ta đồn đại có người đã thấy “mụ Mọi” hiện hồn về xin ăn... Tôi lại nghĩ có lẽ hồn “mụ Mọi” đang ở đâu trong khu cây cối rậm rạp đó nên không ai dám đốn thoi. Cả vùng mỗi rẫy người ta chỉ chừa lư thừa một vài cây vừa vừa để lấy bóng mát nghỉ trưa, còn hầu hết đều phá đi để trồng hoa màu. Người ta sợ để cây quá lớn sẽ bị tinh tà ma quỷ đến ở rồi tác oai tác quái. Vùng rẫy này lại thuộc khu vực mất an ninh nên không mấy ai trồng các loại cây ăn trái lưu niên. Ban đêm đâu có ai dám ở lại để giữ gìn?

Một lần mẹ tôi nấu cơm trễ, cha tôi nôn việc vào rẫy trước, chừng hai giờ sau tôi mới bới cơm theo. Lúc ấy đường vào rẫy đã vắng, chỉ còn một mình tôi thung dung đếm bước. Khi sắp lội qua khe bà Hoàng, tôi bỗng thấy một bà lão đầu đội chiếc mũ len màu đà, mặc áo dài màu lam, ở đâu từ mé khe phía có lùm cây cối rậm rạp thình lình bước lên. Tôi nhận ra ngay bà lão có một dáng dấp phong lưu và một gương mặt đẹp trong sáng ưa nhìn khác thường! Tôi hết sức ngạc nhiên rồi bất chợt rùng mình! Có phải là người thật không đây? Làng tôi quê mùa lam lũ làm gì có được một người đàn bà lịch sự như thế? Bà ở đâu đến, sao lại từ phía cái lùm cây mà tôi vẫn ái ngại lâu nay ấy bước ra? Tuy bà lão gật đầu chào tôi với ánh mắt đầy vẻ thiện cảm nhưng tôi vẫn bước thật nhanh, tim đập thình thịch. Qua khỏi khe một đoạn khá xa tôi mới tạm yên tâm. Nhưng sau đó hình ảnh bà lão cứ khuấy động đầu óc tôi. Người đầu đã già mà còn đẹp khác thường như vậy?

Nhất định bà lão tôi mới gặp không phải dân Mọi rồi, Mọi làm sao trắng trẻo như thế được? Hay bà là dân Hời chăng? Tiên chăng? Hồ mì chăng? Lúc bấy giờ tôi cũng có đọc vài ba truyện Liêu Trai thấy người ta nói đến một giống chồn tu luyện lâu đời có khả năng biến thành những cô gái đẹp hay những ông già bà lão phương phi khác phàm để trêu chọc hay tìm cách làm hại loài người. Hình ảnh bà lão vừa đẹp thu hút vừa đáng sợ ấy cứ lờn vờn mãi trong trí tôi. Tuy thế, tôi vẫn không dám nói với ai vì sợ người ta cười mình nhạt gan. Nhưng từ đó, khi đến đoạn đường lội qua khe bà Hoàng tôi không còn dám đi một mình.

Rồi một chiều kia, khi cùng cha tôi trên đường từ rẫy về nhà qua khỏi khe bà Hoàng một đoạn, tôi bỗng thấy ba người nào đó đang đi ngược chiều. Lúc ấy mặt trời sắp lặn, người làm rẫy đã lần lượt ra về gần hết. Mấy người này ở đâu lại đi ngược như thế nhỉ? Khi lại gần tôi bỗng giật thót người, nếu không có cha tôi đi bên cạnh có thể tôi sẽ bỏ chạy mất! Người đi đầu chính là bà lão mà tôi đã gặp ở gần khe bà Hoàng lần trước! Tay bà lão chỉ cầm một cái quạt xếp, vẫn dáng dấp phong lưu với gương mặt đẹp đầy vẻ thu hút. Khi thấy cha tôi cúi đầu chào họ có vẻ cung kính và ba người ấy đều gật đầu chào lại tôi mới yên lòng. Bấy giờ tôi mới dám nhìn kỹ: cả ba người chắc không phải là dân làm rẫy. Họ

đều đã cao tuổi, thân hình mảnh mai, bước đi thông thả, không lộ ra chút nôn nóng nào. Đi kế bà lão cốt cách phong lưu ấy là một bà lão khác cũng đội mũ thâm, mặc áo dài nâu đà, nhưng trông người có vẻ khắc khổ, tay xách một cái giỏ đựng gì đó hơi nặng. Sau hết là một ông lão đội nón lá mặc đồ thường gánh trên vai hai chiếc giỏ tre đựng toàn những nồi đất loại nhỏ. Lại một thắc mắc khác dậy lên trong đầu tôi: ông lão gánh một gánh nồi đất nhiều như thế vào đây để làm gì? Tôi lại cảm thấy rờn rợn trong người! Sao giờ này họ mới vào rẫy và họ sẽ làm gì trong vùng rẫy này?

Điều thắc mắc e ngại của tôi không phải vô cớ đâu! Vùng tôi ở người ta vẫn hay dùng loại nồi đất ấy để đựng cốt dơi trẻ con. Đã có một lần tôi chứng kiến tận mắt người ta dùng cái nồi đất như thế để đựng một thai nhi bị hư đem chôn. Vậy thì những người này đang đi đâu và dùng nồi đất nung để làm gì?

Đợi khi đi cách họ khá xa tôi mới hỏi cha tôi:

- Gần tới rồi mà mấy người này còn đi mô rứa chú?
- Thì họ đi về chùa chứ còn đi mô nữa!
- Chùa ở mô chú? Xa không mà họ đi chẳng vội vàng chi cả?

Cha tôi gất:

- Cái thằng ni đi ngang đi dọc nhiều lần rồi mà không để ý chi hết. Chùa bà Hoàng ở gần khe bà Hoàng đó chứ ở mô nữa! Cách đường mình đi chừng vài trăm bước chứ mấy! Cái vùng cây cối um tùm rậm rạp bên bờ khe đó không thấy à?

Trời đất ơi, thì ra có một ngôi chùa ẩn mình ở cái vùng cây cối rậm rạp mà tôi vẫn e dè sợ sệt đó! Lâu nay tôi có nghe tiếng chuông trống gì đâu? Tôi cũng sức hiểu ra y phục lạ mắt mà hai bà lão bận là y phục của người tu hành. Từ nhỏ đến giờ tôi có đến chùa lần nào đâu mà biết! Nhưng vẫn chưa hết thắc mắc, tôi hỏi tiếp cha tôi:

- Rứa ông lão gánh hai giỏ nồi đất ấy vào chùa mần chi?
- Thì để mà nấu cơm chứ mần chi nữa? Cứ hỏi lời thôi mãi, đi mau kéo tới rồi!

Tôi lại ngạc nhiên, nấu cơm ư? Thật tình mà nói, tôi cũng chưa hề thấy ai dùng nồi đất ấy để nấu cơm bao giờ. Tại sao người ta không dùng nồi đồng nồi gang thông thường nhỉ? Ở quê tôi hồi ấy người ta còn thói kiêng cử, không muốn trẻ con biết những gì mà người ta nghĩ là liên hệ đến cõi âm. Tôi cứ nghĩ chắc còn có điều gì bí ẩn lắm mà cha tôi muốn giấu tôi đây.

Hình như hiểu được tâm trạng của tôi, sau khi cơm tới xong, cha tôi hỏi:

– Mi không biết cái bà cầm cái quạt hồi chiều là ai à?

– Dạ không!

– Bà Hoàng đó chứ ai nữa!

Tôi sùng người. Tôi từng đọc những truyện cổ tích, trong đó những ông hoàng bà chúa đều là những nhân vật hết sức cao quý, một đứa trẻ nhà quê như tôi dễ gì mà gặp được! Bà lão tôi gặp hai lần ấy là bà Hoàng ư? Hèn gì dù khoác áo tu hành và đã trọng tuổi mà trông bà vẫn còn đẹp còn đầy vẻ quý phái như thế!

Thế rồi cha tôi bắt đầu kể đại lược như sau:

Bà Hoàng vốn là con gái cưng của một vị đại thần nổi tiếng giàu có ở Huế là ông Trương Như Cương, người gốc làng Hiền Lương, huyện Phong Điền. Bà là người vợ đầu tiên của vị hoàng tử trưởng con vua Đồng Khánh tên là Bửu Đảo. Khi vua Đồng Khánh mất, hoàng tử Bửu Đảo còn nhỏ quá nên triều đình Huế đã lập con vua Dục Đức là ông Bửu Lâm lên kế vị tức vua Thành Thái. Lớn lên, hoàng tử Bửu Đảo trở thành một vị hoàng thân phong lưu phóng đảng bậc nhất ở chốn thần kinh. Thời trẻ ông ăn chơi hơi sớm, có lẽ vì rui ro lỡ làm sao đó, ông vướng phải căn bệnh chán đàn bà. Dù vậy, vì thể diện, vì danh giá của gia đình, ông vẫn phải cưới vợ. Bà vợ không may đầu tiên của ông chính là bà Hoàng chúng tôi đã gặp.

Mang sẵn dòng máu phong lưu trong người, khi đã chán đàn bà, ông Hoàng tất phải theo đuổi một vài thứ đam mê khác, đó là thú vui xem hát bội và thú vui đỏ đen. Sau này, vì quá say đắm thú vui đỏ đen, gia sản của ông Hoàng dần tiêu tán hết, nợ nần mỗi ngày mỗi chồng chất thêm...

Bà Hoàng vốn con nhà danh giá, được giáo dục kỹ càng về tam tòng tứ đức nên hết sức giữ trọn đạo thờ chồng. Tất nhiên lỡ vướng phải ông chồng như thế, bà Hoàng không khỏi buồn lòng. Bà đã bao nhiêu lần cố gắng thuyết phục chồng sửa đổi tánh tình, nhưng ông Hoàng vẫn chứng nào tật ấy. Cửa hồi môn cha mẹ cho khi theo chồng không còn gì đã đành, nhiều lần bà phải về nhà xin thêm để trả nợ cho chồng. Nhưng ông Hoàng vẫn phớt tình coi như không có gì.

Sau cùng không chịu nổi nữa, bà Hoàng quyết định xin tiền bạc cha mẹ một lần cuối để lập một ngôi chùa bên một dòng khe dưới chân núi Sầm trên địa phận làng Thanh Thủy Thượng (xã Thủy Dương) để tu thiền. Tôi chưa rõ chùa đó được đặt tên chính thức là gì, chỉ biết người dân địa phương vẫn quen gọi là “chùa bà Hoàng”. Vì lẽ đó, dòng khe chảy ngang qua dưới chân chùa đó cũng được mang tên là khe bà Hoàng.

Tuy tu hành, nhưng bà Hoàng đã tu theo một lối riêng biệt. Bà hướng về mục đích xa lánh trần tục, tìm sự yên tĩnh thanh thoát cho tâm hồn, âm thầm nghiên cứu giáo lý, kinh sách mà ít chú trọng đến việc tụng kinh gõ mõ. Nghe đâu ban đầu cũng có một số tu sĩ khác cùng tu ở chùa, nhưng sau này chỉ còn lại hai thầy trò, không thấy thu nạp thêm đệ tử nào nữa. Ông lão gánh nôi đất chỉ là một người dân địa phương ở gần đây giúp việc trông coi cây cối trong khuôn viên chùa để hưởng lộc.

Dòng đời xoay chuyển, sau khi thực dân Pháp truất phế vị vua trẻ tuổi cả gan làm cách mạng – tức vua Duy Tân, triều đình Huế bèn rước hoàng thân Bửu Đảo lên thay tức là vua Khải Định.

Khi đã lên ngôi báu, vua Khải Định tỏ ra hối hận việc trước, ngài cho người đến chùa ngỏ ý muốn rước bà Hoàng về triều giữ ngôi Đệ Nhất Giai Phi tức ngôi vị quốc mẫu. Nhưng bà Hoàng đã chán mùi thế tục, nhất định không chịu nghe. Vua Khải Định cũng tỏ ra khá chung tình với người cũ, vẫn để trông chiếc ghế Đệ Nhất Giai Phi. Người vợ kế tiếp của ngài được triều đình chính thức cưới hỏi đúng nghi lễ là bà Hồ Thị Chi cũng chỉ được phong làm Đệ Nhị Giai Phi. Tất nhiên các quan còn dâng thêm cho ngài nhiều bà phi nữa. Nhưng những bà này chỉ hưởng được danh vị chứ thật tình cũng như đi vào chùa vậy... Hư thực không rõ nhưng trong dân gian vẫn chào xáo như thế.

Người đàn bà cùng tu, cũng là người theo hầu bà Hoàng, người ta vẫn gọi là bà Nghè. Không ai rõ lý lịch của bà này. Người thì nói bà ta là người họ hàng rất thân thiết với bà Hoàng nên đã hi sinh đời mình theo bà Hoàng cho trọn tình tri kỷ. Người thì nói đó là một bà tiến sĩ (bà Nghè) gặp hoàn cảnh tương tự nên thương nhau mà cùng tu. Có người lại nói bà Nghè chỉ là một cung nữ được vua phong “bà Nghè” để tương xứng với chức tước một người theo hầu cận người đàn bà được coi như quốc mẫu. Bà Nghè có nhiệm vụ hôm sớm lo việc hương khói trong chùa, đọc kinh sách cho bà Hoàng nghe. Bà cũng làm người tùy tùng khi bà Hoàng đi đây đi đó, ở nhà thì kiêm luôn cả việc bếp núc.

Tuy đã gởi mình nơi cửa thiền, nhưng bà Hoàng vẫn giữ thói quen về sinh hoạt ẩm thực quý phái độc đáo cũ. Bà vẫn sai bà Nghè dùng loại nôi đất để nấu cơm. Ăn xong ngày nào quăng bỏ nôi ngày nấy. Người ta nói, dùng loại nôi đất ấy nấu cơm ra ngon thơm lạ thường. Người nấu cơm rành có thể khéo léo liệu cách ủ than thế nào để tạo được lớp cơm ở đáy và quanh hông nôi cháy vàng vàng, thơm giòn ngon tuyệt. Có lẽ điều đó không ngoa gì. Sau này, khi được đọc sách nói về cách ăn uống của các bậc vua chúa, tôi mới biết có nhiều vị vua chuyên ăn cơm nấu bằng nôi đất như thế, chỉ khác là cơm vua dùng vẫn đập bẻ nôi để lấy ra chứ không đem ra rồi giữ nôi dùng lại lần khác như dân thường...

Giờ thì mọi nỗi nghi ngại của tôi đã được giải tỏa. Tôi rất muốn có cơ hội để gặp lại bà Hoàng – một bà Hoàng bằng xương bằng thịt! Ngay hôm sau tôi thuyết phục được một thằng bạn cùng vào chùa chơi. Thì ra vẫn có một lối lên chùa mà lâu nay tôi không thấy. Đoạn gần đường mòn vào rẫy thì chỉ một lối hẹp nhưng khi gần chùa thì lại có mấy bậc

cấp bằng đá xây trét đàng hoàng. Bước lên khỏi mấy bậc cấp, chúng tôi gặp ngay ông lão đang quét sân. Có lẽ thấy chúng tôi còn nhỏ và có vẻ hiền lành, ông lão ngừng chổi, đi lấy cho chúng tôi hai chùm đào trái rồi dặn:

– Mấy cháu vô chơi đừng có phá phách nghe. Muốn ăn chi nói ông hái cho. Mấy cháu mà phá phách lần sau ông không cho vô đó.

Chúng tôi vâng dạ rồi vừa ăn đào vừa thơ thẩn đi xem khắp vườn chùa. Ở nơi đây chúng tôi đã tìm gặp một sự im vắng lạ thường. Mỗi bước chân trên sỏi đều được nghe rõ mồn mồn. Vườn chùa có trồng nhiều loại cây ăn trái như dứa, mít, ổi, vải, vả, nhãn, cam, quýt... và nhiều nhất là đào. Lát sau thì ông lão đem đến cho chúng tôi một giỏ đựng phần lớn là đào lẫn thêm mấy trái ổi – có lẽ trái cây mới lấy trên bàn thờ Phật xuống. Hôm đó chúng tôi đã ăn một bụng đào thỏa thích. Ăn xong, chúng tôi nằm dưới một gốc mít mà nghỉ. Chốc lát sau thấy buồn ngủ và chúng tôi cùng làm một giấc khá dài. Tôi từng đi qua nhiều khu rẫy nhưng chưa thấy nơi nào mát mẻ bằng ở đây. Cái cảm giác mát mẻ dễ chịu lạ thường lúc ấy tới bây giờ tôi vẫn còn nhớ...

Sau khi đem khoe với bạn bè cuộc chơi chùa thú vị ấy, tôi lại được nghe thêm nhiều chuyện thú vị khác liên quan đến ngôi chùa này...

Đây là ngôi chùa đặc biệt được mọi giới chức có quyền, kể cả chính phủ bảo hộ Pháp và sau này chính quyền Việt Nam Cộng Hòa triệt để tôn trọng, luôn quan tâm bảo vệ. Quân đội Pháp cũng như quân đội quốc gia Việt Nam sau này khi hành quân khu vực quanh đó tuyệt nhiên không bao giờ xâm phạm đến chùa. Thỉnh thoảng một vài cấp chỉ huy của họ cũng vào chùa nhưng với vẻ hết sức cung kính. Vài lần bà Hoàng thân hành ra nói chuyện với họ, bà nói chuyện với người Pháp bằng tiếng Pháp rất lưu loát.

Nếu có việc gì đáng tiếc xảy ra, người trong chùa chỉ báo cho chính quyền địa phương – quận hoặc xã – biết là lập tức được giải quyết thỏa đáng ngay.

Chùa trồng nhiều loại cây ăn trái nên mùa nào thức nấy, gần như lúc nào trong vườn chùa cũng có trái cây. Vì sự hấp dẫn đó, nó đã trở thành mục tiêu cho những kẻ nghịch ngợm quấy phá, nhất là lũ học trò và lũ chăn trâu. Tuy chùa có nhờ một ông lão giữ việc coi vườn nhưng vì mắt mờ chân chậm nên bao lần ông đã vất vả khôn đốn bởi bọn trẻ. Thời điểm trái cây chín nhiều, ông lão thường đi quanh vườn để canh giữ. Nhưng bọn trẻ có đủ cả trăm mưu kế tạo ra nhiều chuyện cười ra nước mắt để ăn cắp.

Như một lần chúng tôi đến vườn chùa vào lúc chạng vạng. Chúng tôi chuẩn bị sẵn một hình nộm độn toàn lá cây mang sẵn lên cây rồi tinh bơ trèo hái đào. Khi ông lão biết được chạy đến, tên hái trộm hét lên một tiếng rồi xô hình nộm rớt xuống nghe cái bịch. Ông lão mắt lem nhem không thấy rõ, tưởng đứa bé té xuống thật, sợ có chuyện không may xảy ra phiền phức vội lặn mất. Thế là mấy đứa trẻ mặc sức mà hái.

Cũng có khi một hai đứa lẳng vẳng bên ngoài vườn, cố tình để cho ông lão thấy. Chúng làm bộ thập thò như muốn chờ cơ hội để leo vào. Tất nhiên ông lão phải canh chừng, không thể nào rời đi được. Ông ta không hề biết rằng cùng lúc đó, một toán trẻ khác đang tự do thao túng ở một góc khác trong vườn.

Vụ “ăn hàng” đáng nhớ đời nhất là vụ giả mạo quân lính. Hôm ấy, một toán thanh niên nguy trang thành một đội lính quốc gia, gã cầm đầu mang cấp bậc trung úy đàng hoàng, ghé vào chùa xin nghỉ một chốc. Bà Hoàng tuy không chịu làm quốc mẫu nhưng vẫn tỏ ra lòng bao dung từ ái của một bà mẹ đối với mọi người. Những khi mát mẻ khỏe người, bà vẫn hay thơ thẩn dạo vườn. Lúc ấy, nếu gặp ai vào chùa xin uống miếng nước, bao giờ bà cũng kêu lại ân cần hỏi han thân mật rồi cho người đem một ít trái cây ra biếu tặng. Những trẻ con vào vườn chùa ăn cắp trái cây, bị người nhà chùa bắt được, nếu gặp bà, cũng được bà kêu lại dịu ngọt khuyên răn rồi cho một ít trái cây mà thả đi. Những ai có vẻ đàng hoàng tử tế tới thăm chùa đều được bà thân tiếp đãi rất ân cần. Bà không phân biệt đó là viên chỉ huy người Pháp, ông tỉnh trưởng, ông quận trưởng, những viên chức hành chánh, quân sự lớn nhỏ hay một cậu học sinh nhà nghèo. Vài lúc bà bảo người nhà rót nước chè, đem trái cây ra mời khách, rồi chính bà ra ngồi chuyện vãn với khách. Bà hỏi chuyện xa, chuyện gần, chuyện thế thái nhân tình... và với bất cứ ai bà cũng có những lời khuyên hợp lý.

Hôm ấy viên trung úy chỉ huy bọn lính giả kia cũng được bà Hoàng vui vẻ tiếp chuyện. Ông ta xin gói một số tiền để mua trái cây cho bọn lính ăn. Bà Hoàng bảo ông lão lấy trái cây cho họ ăn thả sức nhưng không cho lấy tiền. Bà cũng cho phép ai muốn uống nước dứa cứ leo lên hái. Ông lão cũng nhân dịp này nhờ mấy anh lính hái giùm cho một số dứa. Bình thường ông vẫn nhờ mấy đứa trẻ biết leo trèo hái vì ông không còn leo dứa nổi. Cho rằng có mặt những người lính ở đó không ai dám quấy phá nữa, vả lại, đám lính đã được cho ăn thỏa mãn rồi, ông lão yên chí vào chòi nằm nghỉ trưa thẳng giấc. Đến nửa chiều viên trung úy vào chào cảm ơn bà Hoàng rồi rút quân. Bà Hoàng ân cần dặn họ khi nào hành quân qua đó cứ việc ghé chùa.

Khi bọn lính đi rồi, ông lão mới phát giác các loại trái cây như mít, dứa và nhất là đào đã bị hái trộm quá nhiều...

Thế là hôm sau, một số thanh niên trong làng bị quận mời về thẩm vấn vì tội giả mạo quân nhân vào chùa ăn trộm trái cây. Người ta ngạc nhiên vì những người bị quận mời không làm ai hết. Hơn một nửa đám quân nhân giả mạo ấy là những người đã thi hành nghĩa vụ quân dịch xong. Ông quận trưởng Hương Thủy đã giữ họ lại phạt làm tạp dịch một ngày cảnh cáo rồi thả về...

Sau khi nghe những chuyện như vậy, tôi mừng thầm tìm cách vào chùa chơi nhiều lần nữa. Để mua chuộc cảm tình của ông lão giữ vườn chùa, tôi tỏ ra hết sức hiền từ, biết vâng lời. Khi ông cần leo hái dứa hái mít tôi liền sốt sắng giúp ngay. Tôi nói với ông rằng ở chùa không khí mát mẻ, yên tĩnh, học bài dễ thuộc. Dù muốn dù không ông lão vẫn

phải cho tôi một ít trái cây mỗi lần tôi đến. Trái cây ở chùa nhiều, khi đã đặt lên cúng Phật xong người trong chùa dùng cũng không hết. Nhưng mục đích vào chùa của tôi không phải vì thích ăn trái cây hay học bài mà vì một ý riêng. Đáng tiếc hai lần gặp dọc đường tôi chưa biết người mình gặp là một bà Hoàng. Tuy cảm nhận được sự khác thường ở bà nhưng chỉ mới thoáng qua, tôi chưa thỏa mãn. Tôi vẫn nuôi hy vọng được gặp bà Hoàng một lần để chiêm ngưỡng tường tận những nét đẹp quý phái của một bà quốc mẫu.

Nhưng trời không chiều lòng, tôi đã không gặp may. Suốt thời gian tôi hay vào vườn chùa để học, tôi chẳng lần nào thấy bà Hoàng bước ra dạo vườn.

Rồi tôi lên Huế trọ học một thời gian. Tuy xa cách, nhưng tôi vẫn còn nuôi mộng sẽ gặp được vị quốc mẫu cao quý ấy một lần nữa. Tôi cứ tiếc rẻ hỏi ấy mình khờ quá, sao không dám táo bạo lên tiếng xin vào “yết kiến” bà? Lúc này thì tôi có thể làm và nhất định thực hiện ý nguyện.

Thế rồi trong một dịp về làng tôi lại vào thăm chùa. Tôi có chuẩn bị một ít trà bánh, đến chùa với lòng phơi phới tự tin. Nhưng vừa gặp lối cũ lên chùa tôi đã nhận ngay ra sự thay đổi khá nhiều. Cái lối mòn nhỏ trước kia tôi vẫn đi cỏ chỉ đã giăng đầy. Ngược lại có nhiều lối đi băng khác mở ra một cách bừa bãi, có cả dấu chân trâu bò giẫm đạp lên những bãi phân của chính chúng. Tôi tìm lối để len vào trong chùa. Từ trong ra ngoài đều vắng lặng, tuyệt nhiên không có một bóng người. Đó đây khắp vườn và cả trên sân chùa thấy vương vãi vỏ trái mít chỉ còn xơ hoặc mít sâu đã khô róm lại, năm ba trái dứa được đập bẻ bừa bãi, lớp tựa cơm đã được nạo sạch, những chùm đào non chưa ăn được, những trái ổi non khô đen cứng ngắt... Cây cối trong vườn hầu hết bị trâu húc bò lấn gãy đổ tiêu điều. Một số cây như mít, ổi, đào vẫn lẻ tẻ trổ hoa, kết trái nhưng phần nhiều bị sâu sủa cả. Chỉ có những cây dứa còn có vẻ nguyên vẹn nhưng nhìn lên chỉ thấy những quày trái mới ra...

Trước đây tôi đã đến chùa nhiều lần nhưng chưa bao giờ vào bên trong. Giờ đây chùa lại không có người coi sóc nên tôi cũng chẳng muốn vào đó làm gì, sợ xảy ra những điều đáng tiếc. Tôi đang ngẩn ngơ trước cảnh cỏ cây xơ xác hoang tàn bỗng nghe tiếng bước chân ai đi xào xạc. Tôi quay nhìn, một người đàn ông trung niên cầm cái rựa trên tay đang tiến về phía tôi. Ông ta hỏi:

– Chú ở mô tới đây mần chi?

– Dạ, em đi học ở xa mới về ghé thăm chùa. Nhưng sao chùa lúc này không thấy ai ở mà cũng chẳng thấy ai coi sóc chi hết cả vậy?

– Bà Hoàng mất rồi, bà Nghè thì về làng hay đi mô không ai rõ, còn ai mà dám vô đây ở! Ông Tầm cũng mất rồi, chùa không ai coi sóc tụi giữ trâu phá phách quá mới tiêu điều thế ni. Tui cũng định tới kiếm trái dứa uống nước chơi chẳng biết còn không.

Ông ta ngược mắt đảo quanh lên mấy buồng dừa để tìm kiếm lựa chọn rồi lắc đầu:

– Trái cứ vừa nứt mắt tụi giữ trâu đã hái hết cả rồi. Chỉ còn rặt trái non có nước mô mà uống!

Thế rồi ông ta đi lại một cây đào, nhún người nhảy lên vít một nhánh bút lấy một chùm trái còn non. Ông vừa nhai đào vừa bước ra khỏi vườn chùa theo một lối khác:

– Chú đứng chơi nghe, tôi phải về lớp cho xong mấy vòng sán!

Tiếng chân người đàn ông xa dần rồi mất hẳn. Buổi trưa hè đứng gió khiến cả chim chóc cũng không buồn hót. Không gian hoàn toàn vắng lặng đến nỗi có một chiếc lá rơi tôi cũng nhận ra. Tôi ngồi xuống bên một gốc dừa tựa lưng vào thân cây. Những ngày hè trước kia tôi vẫn hay ngồi như thế này, nhưng trời mát mẻ dễ chịu chứ không oi bức như bây giờ. Lũ trẻ và những con trâu đã phá phách vườn chùa quá nhiều. Không biết một thời gian nữa ngôi chùa này sẽ ra sao? Tôi nhớ đến ông Tâm, ông còn sống thì đâu đến nỗi! Tôi bùi ngùi nhớ tới bà Hoàng, đáng tiếc cho một người đàn bà đức độ hữu sắc nhưng vô duyên... Rồi bà Nghè nữa, giờ bà đang ở đâu hay cũng đã ra người thiên cổ? Các vị ấy có ai đã được về cõi Phật chưa hay vẫn còn nương tựa đâu đây? Bất giác tôi ngâm lên mấy câu thơ của thi sĩ Vũ Đình Liên:

*“Những người muốn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?”*

Ngô Viết Trọng

